TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 05 /2020/DS - ST
Ngày 29 / 9 / 2020
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Ông Nguyễn Văn Khôi
2) Ông Vi Quang Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà : Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Trong ngày 17 và ngày 29 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST- DS, ngày 01/6/2020 về "Kiện đòi tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX - ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐ-TNPT ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1973; Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1979; Có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày:

Do chỗ quan hệ quen biết nhau nên ngày 13/5/2011 anh có cho anh Trần Văn H vay số tiền là 65.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền ký kết với nhau, lãi suất không có mà tự thỏa thuận bằng miệng, thời hạn vay là 02 tháng.

Khi đến hạn thanh toán anh đã đòi nhiều lần nhưng anh H chỉ khất nợ hết lần này đến lần khác không trả cho anh đồng nào. Toàn bộ số tiền anh cho anh H vay là tiền cho vay cá nhân với nhau không liên quan đến ai, anh H dùng vào làm việc gì anh không biết.

Nay anh yêu cầu anh H phải trả toàn bộ tiền gốc vay: 65.000.000đ, về tiền lãi anh xin rút không có yêu cầu.

2. Bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Do chỗ quan hệ quen biết nhau nên trong 2010, 2011 anh có vay số tiền của anh Phạm Văn L nhiều lần, tổng cộng số là 21.000.000đ, khi vay chỉ nói bằng miệng với nhau, lãi suất, thời hạn vay là không có. Đến ngày 13/5/2011 do anh không có tiền trả nên anh L có yêu cầu anh viết giấy nhận nợ số tiền là 65.000.000đ (trong đó có tiền gốc vay 21.000.000đ + tiền lãi là 44.000.000đ).

Toàn bộ số tiền gốc vay 21.000.000đ là tiền anh cùng anh L đi chơi, ăn uống với nhau mà anh L đã chi ra và ngoài ra anh có vay thêm một phần nên thành số tiền 21.000.000đ để chi tiêu cá nhân.

Khi đến hạn thanh toán do anh chưa có tiền trả nên bố anh là ông Trần Văn H1 có cho anh gán nợ trả cho anh L bằng số tiền bố anh bán 01 lô đất lâm nghiệp của gia đình giá trị bằng 65.000.000đ.Việc gán nợ trả bằng lô đất hai bên khi đó chỉ nói bằng miệng trừ nợ và giao đất cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhau chứ không có viết bằng giấy tờ gì cả.

Toàn bộ số tiền nợ anh L anh đã trả xong nên anh không chấp yêu cầu và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh L.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải đều trình bày:

Gia đình ông có 01 lô đất lâm nghiệp 13ha tại thôn Đ, thị trấn Tây Yên Tử, gia đình ông đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó còn rừng nguyên sinh. Việc anh H có vay tiền anh L hay không và vay tiền là bao nhiêu ông không biết, anh H con trai ông có nói là nợ tiền anh L và anh L có nhu cầu mua đất lâm nghiệp nên ông đã đồng ý và ông đã bán lô đất trên cho anh L, thời gian đã lâu tôi không nhớ rõ ngày tháng vào năm 2013, ông công nhận có được ký giấy chuyển nhượng bán đất cho anh L, còn việc giá bán bằng bao nhiêu tiền và trả nhận tiền như thế nào là giữa anh H với anh L ông không biết, vì ông nhất trí cho anh H đứng ra thanh toán tiền với anh L.

Việc ông đã bán gán nợ 01 lô đất lâm nghiệp để anh H trả nợ số tiền nợ cho anh L là đúng; nay ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

4. Nhận xét của Viện kiểm sát đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không có vi phạm gì.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, 35, 144, 147, 357, 271, 273 và 468 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn L đối với bị đơn anh Trần Văn H.

Buộc anh Trần Văn H phải trả cho anh Phạm Văn L số tiền gốc vay là: 65.000.000đ.

Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 3.250.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa ông Trần Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Do là chỗ quen biết nhau nên ngày 13/5/2011 anh L có cho anh H vay số tiền là 65.000.000đ, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền với nhau, lãi suất không ghi, thời hạn vay là 60 ngày, Khi đến hạn thanh toán anh L đến nhà anh H đòi nhiều lần nhưng anh H không trả tiền cho anh L như giấy biên nhận vay tiền.

Nay anh L khởi kiện yêu cầu anh H phải trả tiền gốc vay 65.000.000đ, thời hạn trả xong chậm nhất đến ngày 29 tháng 10 năm 2020 nhưng anh H không nhất trí trả, anh H cho rằng đã trả gán nợ bằng 01 lô đất. Về tiền lãi tại phiên tòa anh L không có yêu cầu.

Bên nguyên đơn anh L và bị đơn anh H đều thừa nhận có việc viết giấy và ký nhận nợ số tiền 65.000.000đ là có thật và số tiền cho nhau vay là giữa cá nhân với nhau không liên quan đến gia đình.

Nguyên đơn anh L xuất trình 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 15/3/2011 có chữ ký và chữ viết của anh H; anh L cho rằng việc anh với ông H1 là bố anh H có mua bán chuyển nhượng cho nhau 01 lô đất lâm nghiệp là có thật, nhưng việc mua bán từ năm 2010 và đã thanh toán trả tiền cho nhau xong, anh H vay nợ tiền là năm 2011 nên không liên quan đến việc mua bán đất và thanh toán tiền giữa anh với ông H1.

Bị đơn anh H cho rằng việc gán nợ trả số tiền 65.000.000đ cho anh L bằng 01 lô đất lâm nghiệp ông H1 bán cho anh L thì hai bên khi đó chỉ nói bằng miệng trừ nợ chứ không có viết bằng văn bản giấy tờ gì; sau khi gán nợ thì anh cũng không thu hồi hoặc xóa bỏ giấy vay nợ với anh L là do tin tưởng nhau, do đó giấy vay nợ anh L vẫn giữ nên anh L đã khởi kiện. Anh H trình bày nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh làm căn cứ cho lời trình bày của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 cũng chỉ xác nhận được việc bán chuyển nhượng đất cho anh L là có thật, nhưng ông không chứng minh được việc chuyển nhượng lô đất để trừ nợ số tiền anh H nợ anh L.

Từ phân tích, đánh giá nêu trên thì nguyên đơn anh L trình bày và đưa ra tài liệu, chứng cứ là có căn cứ chấp nhận, bị đơn anh H trình bày nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn L, buộc anh Trần Văn H phải trả cho anh Phạm Văn L số tiền vay còn nợ là 65.000.000đ, thời gian trả chậm nhất đến ngày 29/10/2020.

Về lãi suất Thi hành án: Thực hiện theo khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144 và 147- Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn L đối với bị đơn anh Trần Văn H.

[2] Buộc anh Trần Văn H phải trả cho anh Phạm Văn L số tiền là: 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn), thời gian trả xong chậm nhất đến ngày 29/10/2020.

Về lãi suất Thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 3.250.000đ tiền án phí DSST; hoàn trả anh Phạm Văn L số tiền 1.625.000đ nộp tạm ứng án phí DSST biên lai số AA/2010/007180 ngày 01/6/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn